

県総体シングルス タイムテーブル

【個人戦・シングルス】

※前の試合が終わる頃にコートに待機 Bが男子 Gが女子の試合番号を示す

※第1試合の審判は、その台の第2試合の生徒が行う

※スーパーシードの選手の練習台を設ける(20分程度)

区分	コート	9:30～			11:00頃～			12:30頃～		14:10頃～					
1 列目	1	B101	B212	B226	B242	B258	B314	※	男子5 回戦 5015	男子代表決定戦①	コート 整備	代決②			1
	2	B102	B213	B227	B243	B259	B315	B401				代決②			2
	3	B103	B210	B228	B244	B260	B316	B402				代表決定女子①	代決②	③	3
	4	B104	B211	B229	B245	B301	B317	B403							4
	5	B105	B214	B230	B246	B302	B318	B404							5
	6	B106	B215	B231	B247	B303	B319	B405							6
	7	B107	B216	B232	B248	B304	B320	B406							7
	8	B201	B217	B233	B249	B305	B321	B407							8
	9	B202	B218	B234	B250	B306	B322	B408							9
	10	B203	B219	B235	B251	B307	B323	B409							10
2 列目	11	B204	B220	B236	B252	B308	B324	B410	女子5 回戦 5015	コート 整備	6準 々決 勝	準決 勝	決勝	表彰	11
	12	B205	B221	B237	B253	B309	B325	B411							12
	13	B206	B222	B238	B254	B310	B326	B412							13
	14	B207	B223	B239	B255	B311	B327	B413							14
	15	B208	B224	B240	B256	B312	B328	B414							15
	16	B209	B225	B241	B257	B313	B329	B415							16
	17	G101	G201	G215	G230	G245	B330	G318							17
	18	G102	G204	G216	G231	G246	G304	G319							18
	19	G103	G205	G217	G232	G247	G305	G320							19
	20	G104	G212	G218	G233	G248	G306	G321							20
3 列目	21	G105	G213	G219	G234	G249	G307	G322	女子4 回戦	コート 整備	6準 々決 勝	準決 勝	決勝	表彰	21
	22	G106	G202	G220	G235	G250	G308	G323							22
	23	G107	G206	G221	G236	G251	G309	G324							23
	24	G108	G207	G222	G237	G252	G310	G325							24
	25	G109	G208	G223	G238	G253	G311	G326							25
	26	G110	G209	G224	G239	G254	G312	G327							26
	27	G111	G210	G225	G240	G255	G313	G328							27
	28	G112	G211	G226	G241	G256	G314								28
	29	G113	G203	G227	G242	G301	G315								29
	30	G114	G116	G228	G243	G302	G316	※							30
	31	G115	G214	G229	G244	G303	G317	※							31

※会場練習 ・ ・ 会場準備が終わり次第、①男子15分間 ②女子15分間 の順で行う予定。台の割振は特に無し